

TỪ PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG ĐẾN NGUYÊN TẮC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG – BƯỚC PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC ĐÀO TẠO BẬC ĐẠI HỌC

Nguyễn Văn Hiệp

Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Giáo dục đại học Việt Nam còn khá non trẻ, chủ yếu được bắt đầu từ sau năm 1954 ở miền Bắc và sau năm 1975 ở miền Nam. Cho đến trước khi Việt Nam công bố chính thức công cuộc đổi mới, đảm bảo chất lượng giáo dục trong lĩnh vực đào tạo đại học được thực hiện bằng phương pháp sàng lọc kỹ lưỡng đầu vào và kiểm soát chặt chẽ đầu ra bằng các hoạt động thi cử, công nhận tốt nghiệp, cấp phát văn bằng. Từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới (1986), đảm bảo chất ở bậc đại học chuyển dần sang phương pháp đáp ứng đầy đủ nguồn lực và tiến tới thực hiện nguyên tắc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng. Trong vòng hơn 10 năm đầu thế kỷ 21, giáo dục đại học Việt Nam đã xây dựng được hệ thống và cơ chế đảm bảo chất lượng theo xu hướng hội nhập quốc tế. Hoạt động đảm bảo chất lượng trong đào tạo bậc đại học đã thu được thành quả đáng ghi nhận, đánh dấu bước chuyển biến sâu sắc trong tiến trình hội nhập của đất nước.

Từ khóa: *đảm bảo chất lượng, đào tạo, đại học*

*

1. Từ phương pháp kiểm soát chất lượng đến giải pháp "đáp ứng nguồn lực" – chuyển động bước đầu về quản lý chất lượng trong đào tạo đại học

Từ sau năm 1954 ở miền Bắc và sau năm 1975 ở miền Nam cho đến trước khi công bố chính thức công cuộc đổi mới (1986), Việt Nam duy trì nền kinh tế theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Tất cả các hoạt động kinh tế, xã hội đều thực hiện theo kế hoạch của nhà nước. Trong lĩnh vực giáo dục đại học, việc đào tạo và sử dụng sinh viên tốt nghiệp được thực hiện theo kế hoạch do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước quyết định. Căn cứ chỉ tiêu phân phối của Ủy ban

Kế hoạch Nhà nước, dưới sự chỉ đạo của các bộ (là cơ quan chủ quản của các trường đại học), các trường đại học thực hiện đào tạo và phân phối sinh viên về các ngành, các địa phương nhận công tác theo kế hoạch của nhà nước. Vào những năm đầu thập niên 1980, do biên chế trong cơ quan hành chính quá lớn, Nhà nước có chỉ thị "đóng cửa biên chế", sinh viên tốt nghiệp không được phân công công tác làm cho quy mô đào tạo bậc đại học còn khá khiêm tốn. Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 1985 – 1986, cả nước có 95 trường đại học với tổng số 126.195 sinh viên.

Trong điều kiện kinh tế chưa phát triển, tình hình chính trị, xã hội ít biến động, phương pháp quản lý đối với lĩnh vực giáo dục đại học chưa được đặt ra như một yếu tố thúc đẩy chất lượng đào tạo. Trong một thời gian khá dài, hệ thống giáo dục đại học Việt Nam duy trì quan niệm quản lý chất lượng bằng biện pháp kiểm soát từ đầu vào đến đầu ra thông qua các hoạt động thi cử mang tính cạnh tranh cao. Trước hết, để vào được đại học, sinh viên phải trải qua kỳ thi tuyển sinh với sự chọn lựa kỹ lưỡng, tỷ lệ sàng lọc vô cùng khắt khe. Do kế hoạch của nhà nước phân bổ cho các trường thường rất thấp, trung bình mỗi trường đại học hàng năm chỉ tuyển vài chục hoặc cao nhất cũng chỉ vài trăm sinh viên, nên khi bước vào “ngưỡng cửa” đại học, sinh viên nghiêm nhiên là hàng ngũ ưu tú và thực sự phải ưu tú mới có thể trúng tuyển được. Tiếp theo việc sàng lọc khắt khe ở đầu vào, quá trình đào tạo được kiểm soát bằng các hoạt động thi cử chặt chẽ. Các kỳ thi học kỳ, thi kết thúc niên học, thi tốt nghiệp được đặt ra và thực hiện một cách nghiêm ngặt. Quá trình thi cử, xét tốt nghiệp và cấp phát văn bằng được thực hiện theo những quy định có tính “pháp lệnh” từ trên xuống. Bên cạnh việc kiểm soát chất lượng thông qua hoạt động thi cử, Nhà nước cũng thiết lập hệ thống thanh tra nhằm giám sát những hoạt động công tác tuyển sinh, đào tạo, thi cử ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, công tác thanh tra, kiểm tra trong thời kỳ này chủ yếu để phát hiện lỗi, xử phạt tập thể và cá nhân vi phạm quy định chuẩn mực đã ban hành. Công tác thanh tra chưa đặt ra mục tiêu cải tiến chất lượng đào tạo.

Năm 1986, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới đất nước. Theo đó, ngành giáo dục cần có sự chuyển biến mạnh mẽ công tác đào tạo đại học theo hướng lấy đào tạo trong nước là chính nhằm tăng khả năng cung ứng nguồn nhân lực trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Các cơ sở giáo dục đại học cần mở rộng tối đa cơ hội tiếp cận cho người học. Để thực hiện mục tiêu trên, ngành giáo dục đã đề ra nhiều chương trình, biện pháp nhằm cải thiện về quy mô và chất lượng đào tạo.

Trong giai đoạn 1987 – 1990, đào tạo đại học ghi dấu ấn với ba chương trình hành động nhằm tạo tiền đề cho sự đổi mới. Chương trình thứ nhất đặt mục tiêu cải cách đào tạo, thực hiện đổi mới bước đầu về cơ cấu hệ thống, phương pháp, quy trình đào tạo, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Chương trình này được thực hiện với ba giải pháp là tổ chức lại hệ thống đào tạo tập trung thành hệ chuẩn với chương trình đào tạo mới, đa dạng hóa các loại hình đào tạo (dài hạn và ngắn hạn, tập trung và tại chức, chính quy và không chính quy), đẩy mạnh đào tạo và bồi dưỡng sau đại học. Chương trình thứ hai đặt mục tiêu đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, cải thiện điều kiện vật chất trong đào tạo đại học với các giải pháp: phát triển mạnh nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống, khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh hợp tác quốc tế. Chương trình thứ ba có mục tiêu đổi mới công tác tổ chức, quản lý và xây dựng đội ngũ cán bộ nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng cán bộ giảng dạy và quản lý,

được thực hiện với ba giải pháp là tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng dạy, giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, giảng viên và cải tiến tổ chức quản lý.

Từ sau năm 1990, thực hiện nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư (khóa VII) và nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai (khóa VIII), giáo dục đại học tiếp tục đổi mới nhằm tạo bước chuyển biến phù hợp với kinh tế xã hội của nước ta bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giáo dục đại học đã thực hiện chuyển trọng tâm cải cách vào việc đổi mới nội dung, chương trình đào tạo. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo thực hiện đầy đủ và triệt để quy trình đào tạo hai giai đoạn (đại cương và chuyên ngành), thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, tiếp tục mở rộng quy mô, đổi mới công tác quản lý và xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên. Những chủ trương và giải pháp tích cực trên cùng với việc cung cấp kinh phí từ cả hai nguồn (nhà nước cấp ngân sách và sinh viên đóng học phí), chất lượng đào tạo đại học đã có những tiến bộ rõ rệt.

Có thể khẳng định rằng, sau 15 năm đổi mới, cho đến những năm cuối cùng của thế kỷ XX, giáo dục đại học Việt Nam đã chuyển từ phương pháp kiểm soát chất lượng sang giải pháp đáp ứng nguồn lực đầy đủ. Bước chuyển biến này được thể hiện rõ nét thông qua các chủ trương và giải pháp gia tăng về quy mô đào tạo, mở rộng tối đa cơ hội học tập cho người học, tăng cường đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý, tăng cường các nguồn lực đầu tư cho các cơ sở đào tạo... Tuy còn có những mặt hạn chế

(quy mô đào tạo tăng nhanh nhưng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn của đất nước, công tác quản lý về chất lượng chưa được lượng giá một cách đầy đủ do chưa có cơ chế và hệ thống để đánh giá) song đây là bước chuyển biến quan trọng trong quản lý chất lượng đối với đào tạo bậc đại học của Việt Nam.

2. Xác lập nguyên tắc đảm bảo chất lượng – Bước phát triển và hội nhập

Bước vào thế kỷ XX, nước ta đã bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhịp độ phát triển kinh tế – xã hội ngày càng cao. Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học vừa phải đáp ứng nhu cầu học đại học ngày càng tăng của nhân dân, vừa phải đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sản xuất, xã hội. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001 – 2010 được thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã khẳng định phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học; tập trung đầu tư xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực, tiến tới đạt trình độ quốc tế.

Để đảm bảo chất lượng giáo dục đại học theo xu hướng hội nhập quốc tế, trước hết cần xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng cả bên trong và bên ngoài. Để đáp ứng yêu cầu này, tháng 1/2002, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập bộ phận phụ trách công tác kiểm định chất lượng thuộc Vụ Đại học và đến tháng 7/2003, bộ phận này được tách ra để thành lập Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục là cơ quan quản lý nhà nước chuyên về công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục trong phạm vi cả nước; thực hiện các dịch vụ công

về khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận văn bằng. Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng là cơ quan tham mưu ở cấp cao nhất trong việc xây dựng hệ thống và cơ chế đảm bảo chất lượng trong hệ thống giáo dục quốc gia nói chung, trong đào tạo đại học nói riêng.

Cùng với quá trình hình thành Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng, các trường đại học, với chức năng, quyền hạn của mình, đã thành lập các đơn vị đảm bảo chất lượng. Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh là hai đơn vị sớm có đơn vị chuyên môn đảm bảo chất lượng theo mô hình quản lý hiện đại.

Song song với việc hình thành hệ thống đảm bảo chất lượng, việc xác định cơ chế đảm bảo chất lượng với những tiêu chí cụ thể được xác lập. Ngày 28/4/2004, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chỉ thị số 25/2004/CT-BGD&ĐT về nhiệm vụ của toàn ngành giáo dục đặt ra yêu cầu tiếp tục thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục ở bậc đại học với các giải pháp cụ thể là khẩn trương xây dựng chương trình khung, xúc tiến xây dựng chương trình và giáo trình phù hợp với chương trình khung được ban hành để đẩy mạnh việc đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, liên thông, phù hợp với thực tiễn đất nước và hội nhập quốc tế. Đối với công tác đảm bảo chất lượng, chỉ thị nêu rõ cần tăng cường quản lý chất lượng đối với hoạt động giáo dục đào tạo, khẩn trương xây dựng và hoàn thiện về tổ chức, bộ máy và triển khai hoạt động của hệ thống khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục ở các cấp quản lý giáo dục, các trường đại học và cao đẳng.

Tiếp đó, ngày 2/12/2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành *Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học* quy định về mục đích, quy trình kiểm định chất lượng, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học, hội đồng kiểm định chất lượng, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận kết quả kiểm định. *Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học* được ban hành sau gần hai năm dự thảo và lấy ý kiến đóng góp của các trường đại học, các chuyên gia trong và ngoài nước. Với quy định này, lần đầu tiên lịch sử giáo dục Việt Nam trong lĩnh vực đào tạo đại học có được một bộ tiêu chuẩn chất lượng với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng, minh bạch, xác định được các yêu cầu về chất lượng ở bậc đại học bao gồm: sứ mạng và mục tiêu, tổ chức quản lý chương trình đào tạo và các hoạt động của một trường đại học Việt Nam.

Trên cơ sở bản *Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học*, từ năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo 20 trường đại học trên cả nước tổ chức thí điểm đánh giá theo bộ tiêu chí đã ban hành. Qua công tác đánh giá thí điểm ở các trường đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức rút kinh nghiệm, bổ sung, sửa chữa và hoàn thành bộ tiêu chuẩn chính thức để ban hành. Ngày 1/11/2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra quyết định số 65/QĐ-BGDĐT, ban hành *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học* bao gồm 10 tiêu chuẩn:

1. Sứ mạng, mục tiêu trường đại học
2. Tổ chức quản lý
3. Chương trình giáo dục
4. Hoạt động đào tạo
5. Đội ngũ quản lý, giảng viên, nhân viên

6. Người học
7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ
8. Hoạt động hợp tác quốc tế
9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác
10. Tài chính và quản lý tài chính

Có thể khẳng định rằng, mười tiêu chuẩn trên đây đã bao quát toàn bộ các mặt hoạt động của một trường đại học Việt Nam. Các tiêu chuẩn được nêu ra cũng không khác mấy so với các tiêu chuẩn các nước trong khu vực và quốc tế. Với bộ tiêu chuẩn này, giáo dục đại học Việt Nam đã có một hệ thống và cơ chế minh bạch để quản lý chất lượng trường đại học. Đây không chỉ là một bước tiến lớn trong quản lý chất lượng bậc đại học mà còn thể hiện quyết tâm hội nhập của giáo dục nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Năm 2008, công tác đánh giá chất lượng ở 20 trường thực hiện thí điểm đợt đầu hoàn thành. Với kết quả đạt được, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trương công bố nhằm “gắn mác” cho các trường đồng thời thúc đẩy công tác kiểm định trên diện rộng. Năm học 2009 – 2010 được coi là “năm học đánh giá chất lượng giáo dục”. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo sâu sát công tác kiểm định chất lượng với mục tiêu đến năm 2010 có ít nhất 80% trường đại học và 50% trường cao đẳng được đánh giá ngoài. Năm 2015, có 90% trường đại học, cao đẳng được kiểm định ít nhất một lần và năm 2020, có 90% trường đại học, cao đẳng được kiểm định ít nhất hai lần. Bộ Giáo dục Đào tạo cũng khuyến khích các trường đăng ký kiểm định bởi các tổ chức kiểm định quốc tế.

Song song với việc chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động kiểm định ở các trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo không ngừng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học để triển khai đánh giá các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng, góp phần vào việc đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Tháng 5/2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chỉ thị về việc tăng cường công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, đề ra nhiệm vụ trọng tâm cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục là tăng cường nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên về công tác đánh giá và kiểm định, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát triển đội ngũ chuyên gia, nghiên cứu tạo động lực cho công tác đánh giá và kiểm định, xây dựng và củng cố các đơn vị làm công tác kiểm định, triển khai hoạt động đánh giá kiểm định ở tất cả các trường đại học, cao đẳng, thực hiện phân cấp quản lý và tăng cường hợp tác quốc tế trong đánh giá và kiểm định chất lượng. Tháng 12/2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành *Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp* và *Quy định về kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học*. Tiếp đó, với vai trò của cơ quan tham mưu cao nhất, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục đã tổ chức hướng dẫn các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp thực hiện quy trình và kỹ thuật tự đánh giá với các bước tuần tự: lập hội đồng đánh giá, lập kế hoạch tự đánh giá, thu thập thông tin minh chứng, xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được, viết báo cáo tự đánh giá, thể thức kỹ thuật

trình bày báo cáo đánh giá, các hoạt động sau khi hoàn thành đợt đánh giá...

Với việc thành lập cơ quan đảm bảo chất lượng cấp quốc gia và thiết lập hệ thống dọc cho các hoạt động đảm bảo chất lượng (Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng, các trung tâm – viện đảm bảo chất lượng của Đại học Quốc gia, các đơn vị bảo đảm chất lượng các trường) đồng thời xây dựng các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, xây dựng và triển khai sâu rộng kế hoạch kiểm định chất lượng trường đại học trong cả nước, công tác

đảm bảo chất lượng giáo dục đại học đã tiến một bước dài chưa từng có trong lịch sử giáo dục Việt Nam. Tuy còn một số mặt hạn chế (như chưa có hệ thống cơ quan bảo đảm chất lượng hoạt động độc lập; ở một vài cơ sở đào tạo, công tác kiểm định chất lượng còn mang tính đối phó chứ chưa phải là một nhu cầu từ bên trong với mục đích cải thiện chất lượng...) song những thành tựu ban đầu về hệ thống, về cơ chế, về năng lực của đội ngũ chuyên gia và nhân sự bộ máy kiểm định chất lượng khẳng định rõ xu thế hội nhập mạnh mẽ của giáo dục đại học Việt Nam.

**TRANSITION FROM QUALITY CONTROLS TO QUALITY ASSURANCES –
INTEGRATION AND DEVELOPMENT STEPS EDUCATION IN UNIVERSITY
TRAINING IN VIETNAM**

Nguyen Van Hiep

Thu Dau Mot University

ABSTRACT

The university education of Vietnam is quite young, starting mainly after 1954 in the North and after 1975 in the South. Before Vietnam officially announced the innovation process, quality assurance in the field of higher education had been done by carefully screening inputs and tightly controlling outputs by examinations, graduation recognition and granting of diplomas. Since the country entered a period of innovation (1986), quality assurance in higher education has been changing to the methods to meet human resources fully and to implement the assurance principles of quality standards. Over the first 10 years of the 21st century, the higher education in Vietnam has built systems and mechanisms to ensure quality towards trend of international integration. Quality assurance in higher education has gained remarkable achievements, marking a profound upturn in the integration process of the country.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu tập huấn tự đánh giá phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục trong các trường đại học*, Hà Nội, 2006.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu tập huấn tự đánh giá phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục trong các trường đại học*, Hà Nội, 2013.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Từ Bộ Quốc gia Giáo dục đến Bộ Giáo dục và Đào tạo (1945 – 1995)*, NXB Giáo dục, 1995.
- [4] Nguyễn Hữu Châu (chủ biên), *Giáo dục Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục, 2007.
- [5] Nguyễn Phương Nga, *Kiểm định chất lượng ở Việt Nam: Hệ thống văn bản pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
- [6] Trần Hồng Quân (chủ biên), *50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo (1945 – 1995)*, NXB Giáo dục, 1995.